TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M C** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 29/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tòng Văn Thanh.**

2. Ông **Khoàng Văn Hặc.**

Thư ký phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

01. Hồ Thị K; Tên gọi khác: Không - Sinh năm: 1980.

Nơi sinh: Huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản S L 1, xã S L, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: Không. Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Cháng L và bà Sùng Thị L.

Chồng: Giàng A Cháng - Sinh năm: 1977 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị Tòa án xét xử, chưa bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính. Bị bắt tạm giữ từ ngày 13/6/2024, đến ngày 22/6/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo được tại ngoại từ đó đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị K là ông Lý A Chía - Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – Vắng mặt.

02. Chớ A M; Tên gọi khác: Không - Sinh năm: 1977.

Nơi sinh: Huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản S L 1, xã S L, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chớ Nhè Tủa – Đã chết và bà Hồ Thị Bìa – Đã chết.

Vợ: Từ năm 1996 đến 2007 chung sống như vợ chồng với bà Sùng Thị Sinh – Sinh năm: 1980 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Năm 2017 chung sống như vợ chồng với bà Hồ Thị Sú - Sinh năm: 1979 và có 01 con sinh năm 2012. Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 13/10/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) xử phạt 30 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, cho đến ngày 23/9/2024 bị cáo mới chấp hành xong án phí hình sự phúc thẩm, hiện chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không. Ngày 09/8/2019 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Đến ngày 08/8/2021 chấp hành xong, hiện đã được xóa tiền sự. Bị bắt tạm giữ từ ngày 13/6/2024, tạm giam từ ngày 22/6/2024 đến nay bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Chớ A M là ông Nguyễn Cảnh Phương – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Giàng A Cháng – Sinh năm: 1977 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Bản S L 1, xã S L, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Người phiên dịch: Anh Thào A Chứ - Sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 12/6/2024, Chớ A M gặp Hồ Thị K ở khu vực gần nhà văn hóa xã S L, huyện M C, tỉnh Điện Biên, khi đó K nhờ M chở K đến khu vực bản 36, xã S L, huyện M C để giải quyết việc gia đình. Sau đó M điều khiển xe mô tô BKS 27B1-215.25 chở K, trên đường đi hai người rủ nhau đi mua ma túy, K có 800.000 đồng còn M có 300.000 đồng, M đưa số tiền của mình cho K cầm. M điều khiển xe chở K đến khu vực tổ dân phố 10, thị trấn M C, huyện M C thì gặp một người phụ nữ không rõ lai lịch, qua trao đổi K đã nhờ người này mua hộ cho K 800.000 đồng và cho M 300.000 đồng ma túy. K đưa cho người phụ nữ 1.100.000 đồng, người này cầm tiền đi một lúc sau quay lại đưa cho K 01 gói Heroine nói giá 800.000 đồng và đưa cho M 01 gói Heroine nói giá 300.000 đồng, mỗi gói đều được gói bằng mảnh nilon màu hồng. Khi nhận gói Heroine từ người phụ nữ thì M và K dùng chiếc bật lửa ga để gắn kín gói Heroine của mình, gắn xong M đã đưa gói Heroine của M cho K để gói chung thành một gói và lấy một chiếc lá gói ra bên ngoài. Sau đó K cầm gói Heroine trong tay còn M điều khiển xe mô tô chở K đi về. Đến 00 giờ 15 phút ngày 13/6/2024, khi về đến khu vực bản S L 1, xã S L, huyện M C thì bị tổ công tác Công an xã S L phối hợp với Công an xã Huổi Lèng yêu cầu dừng xe để kiểm tra, khi đó K đã vứt gói Heroine đang cầm trong tay xuống dưới đường. Tổ công tác đã yêu cầu K

nhặt lên để kiểm tra, M và K đều thừa nhận đó là số Heroine mà M và K vừa đi mua về. Mục đích M mua ma túy để sử dụng cho bản thân, còn K mua ma túy về để sử dụng cho bản thân và bán trái phép kiếm lời. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Chớ A M và Hồ Thị K, thu giữ của M 0,472 gam Heroine, thu giữ của K 1,533 gam Heroine.

Chớ A M không biết mục đích Hồ Thị K mua ma túy để làm gì, khi điều khiển xe mô tô chở K thì M biết K đang cất giấu Heroine. Nên Chớ A M phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với tổng khối lượng số ma túy thu giữ của M và K là 2,005 gam Heroine.

Hồ Thị K là người cầm toàn bộ số Heroine của K và M, cũng như biết mục đích M mua ma túy để sử dụng. Vì vậy, Hồ Thị K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với khối lượng 1,533 gam Heroine thu giữ của K và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với khối lượng 0,472 gam Heroine thu giữ của Chớ A M.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ: Của Chớ A M 0,472 gam Heroine, gửi toàn bộ giám định, hoàn lại 0,32 gam; của Hồ Thị K 1,533 gam Heroine, gửi toàn bộ giám định, hoàn lại 1,36 gam; 01 chiếc lá khô, 03 mảnh nilon màu hồng cùng 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 xe mô tô BKS 27B1-215.21 màu đen, xám, nhãn hiệu Honda WaveS kèm theo chìa khóa xe; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe M tên Vừ A Di.

Tại bản kết luận giám định số: 1026/KL-KTHS ngày 20/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Vật chứng thu giữ của Hồ Thị K ký hiệu M1 có khối lượng 1,533 gam. Vật chứng thu giữ của Chớ A M ký hiệu M2 có khối lượng 0,472 gam. Tổng khối lượng thu giữ của Hồ Thị K và Chớ A M là 2,005 gam.

02 mẫu chất bột nén màu trắng đục được ký hiệu M1, M2 thu giữ của Hồ Thị K và Chớ A M gửi giám định là chất ma tuý: Loại Heroine. Hoàn lại đối tượng giám định có biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKS-MC, ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Hồ Thị K về các tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự và tội*"Mua trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Chớ A M về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo K và M cả về tội danh và điều luật áp dụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo M phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo K và bị cáo M đồng phạm về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với khối lượng Heroine thu giữ của bị cáo M. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 251; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1

Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Thị K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 05 năm đến 06 năm tù. Bị cáo được khấu trừ 09 ngày thời gian tạm giữ.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chớ A M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 249; khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1,68 gam Heroine còn lại sau khi giám định; 01 chiếc lá khô; 03 mảnh nilon màu hồng cùng 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật Nhà nước cấm tàng trữ, mua bán và những vật liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô BKS 27B1-215.21, nhãn hiệu honde WaveS, số khung: 096941, số máy: 1296609; có dung tích 109 m^3; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong. Kèm theo 01 chìa khóa xe máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có số: 024788 M tên Vừ A Di. Các bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy là tài sản chung của vợ chồng bị cáo K và ông Giàng A Cháng nên cần:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS 27B1-215.21, nhãn hiệu honde WaveS, số khung: 096941, số máy: 1296609; có dung tích 109 m^3; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong.

Trao trả lại cho ông Giàng A Cháng: 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS 27B1-215.21, nhãn hiệu honde WaveS, số khung: 096941, số máy: 1296609; có dung tích 109 m^3; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong.

Đối với 01 chiếc chìa khóa xe máy và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có số: 024788 M tên Vừ A Di cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo khai, số ma túy của các bị cáo bị thu giữ, các bị cáo nhờ một người phụ nữ mua hộ, các bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ của người phụ nữ đó, nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo xin miễn án phí nên áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

* Người bào chữa cho bị cáo K vắng mặt nhưng đã gửi bản luận cứ bào chữa cho Tòa án. Tại bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo K, cũng như người bào chữa

cho bị cáo M đều có ý kiến trình bày, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát về tội danh điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều luôn thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, các bị cáo không có công việc ổn định, gia đình kinh tế rất khó khăn, không có tài sản gì đáng giá, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra người bào chữa cho bị cáo M đề nghị xem xét về nguyên nhân bị cáo M không nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm nên chưa được xóa án tích, đây không phải lỗi hoàn toàn do bị cáo. Do đó những người bào chữa đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất Kiểm sát viên đề nghị. Ngoài ra người bào chữa cho bị cáo K đề nghị đối với chiếc xe mô tô BKS 27B1-215.21, nhãn hiệu honde WaveS, số khung: 096941, số máy: 1296609; có dụng tích 109 m^3; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong là xe của vợ chồng bị cáo K, lúc các bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi mua ma túy chồng bị cáo ông Giàng A Cháng không biết. Do đó đề nghị trả lại cho ông Giàng A Cháng 1/2 giá trị chiếc xe và tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Giàng A Cháng vắng mặt, trong quá điều tra trình bày, bị cáo K và ông là vợ chồng, bị cáo K sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi mua ma túy ông không biết, chiếc xe là của vợ chồng ông mua làm phương tiện đi lại, do chưa có điều kiện nên ông chưa đi làm thủ tục sang tên đổi chủ nên đăng ký xe vẫn còn M tên người bán xe Vừ A Di. Ông có nguyên vọng xin lại chiếc xe đó. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa cho mình, không có ý kiến gì thay đổi bổ sung, các bị cáo đều xin miễn án phí, lời nói sau cùng của các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo Hồ Thị K và Chớ A M đều khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Hồi 00 giờ 15 phút, ngày 13/6/2024, tại khu vực bản S L 1, xã S L, huyện M C, tỉnh Điện Biên, tổ công tác Công an xã S L phối hợp với Công an xã Huổi Lèng phát hiện, bắt quả tang Chớ A M có hành vi tàng trữ trái phép 2,005 gam Heroine; Hồ Thị K có hành vi tàng trữ trái phép 0,472 gam Heroine và mua bán trái phép 1,533 gam Heroine.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M C theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo K đã phạm vào các tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội: *"mua bán trái phép chất ma túy"* được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo M phạm vào tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự

*"***Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy**

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

… c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

"Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".

[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đều là những hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Khi phạm tội các bị cáo đều nhận thức được tác hại mà ma túy gây ra cho sức khỏe của con người trong đó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các bị cáo và ảnh hưởng xấu đến gia đình và xã hội và là hành vi vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm. Nhưng các bị cáo vẫn bất chấp tất cả, coi thường kỷ cương phép nước cố tình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo K có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán ma túy kiếm lời, bị cáo M mua ma túy về cất giấu tàng trữ sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Đây vụ án có tính đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bởi trước khi đi mua ma túy, các bị cáo không bàn bạc phân vai trò cụ thể cho từng người, các bị cáo có thỏa thuận với nhau và biết được số tiền, trị giá của gói ma túy của nhau. Bị cáo K và bị cáo M đồng phạm về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy đối với khối lượng Heroine thu giữ của bị cáo M, cả hai bị cáo đều là người thực hành, tích cực khi thực hiện hành vi phạm tội. Vậy các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm toàn bộ của tổng khối lượng ma túy của các bị cáo bị thu giữ và hành vi của mình cụ thể: Bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đối với tổng khối lượng 2,005 gam. Bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy của tổng khối lượng 0,472 gam đối với gói ma túy của bị cáo M và tội mua bán trái phép chất ma túy đối với tổng khối lượng 1,533 gam của bị cáo.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều sinh ra và lớn lên trong gia đình nông dân thuần túy, được bố mẹ nuôi dưỡng, không đi học ở nhà lao động, sản xuất cùng gia đình, đến tuổi trưởng thành xây dựng gia đình riêng. Ngày 13/10/2003 bị cáo M bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 30 tháng tù về tội: Chống người thi hành công vụ, cho đến ngày 23/9/2024 bị cáo mới chấp hành xong toàn bộ bản án, hiện chưa được xóa án tích. Ngày 09/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện M C ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, ngày 08/8/2021 chấp hành xong, hiện bị cáo đã được xóa tiền sự. Các bị cáo là những người cha, người mẹ, của những đứa con còn rất trẻ, lẽ ra các bị cáo phải tu chí làm ăn lương thiện, sống tuân thủ pháp luật, rèn luyện bản thân không sa vào tệ nạn xã hội để các con noi theo mới phải, nhưng các bị cáo không làm được như vậy. Bị cáo K do bản thân lười lao động để có tiền chi tiêu bản thân bị cáo bất chấp pháp luật cố tình mua ma túy về để bán trái phép kiếm lời và cố tình cất giấu ma túy cho bị cáo M. Bị cáo M chỉ ăn chơi đua đòi bạn bè lao vào con đường nghiện chất ma túy, bị cáo cùng với bị cáo K đi tìm mua ma túy, cố tình thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bị cáo là người nghiện ma túy lâu năm và có nhân thân xấu. Do vậy cần phải xử lý thật nghiêm khắc đối với các bị cáo để răn đe phòng ngừa chung đối với toàn xã hội, khi ma túy vẫn đang là nguyên nhân đe dọa sự ổn định về cuộc sống cũng như về tài sản của mọi người.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi mà mình đã gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo M phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo M. Như vậy đề nghị của Kiểm sát viên đối với từng bị cáo là phù hợp cần được xem xét chấp nhận một phần. Những đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Vậy khi quyết định hình phạt HĐXX cần xét, trong cuộc sống việc tuân thủ pháp luật, nhân thân, khối lượng ma túy, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa để áp dụng một hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ các bị cáo đã gây ra. Do đó cần cách L các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản của gia đình các bị cáo do cơ quan CSĐT Công an huyện M C xác lập, gia đình các bị cáo không có tài sản gì đáng giá. Xét thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo gặp nhiều khó khăn, thu nhập chủ yếu đi làm ruộng, nương. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M và theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K là phù hợp.

[6] Về vật Cng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 1,68 gam Heroine còn lại sau khi giám định; 01 chiếc lá khô; 03 mảnh nilon màu hồng cùng 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật Nhà nước cấm

tàng trữ, vận chuyển, mua bán và những vật liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 27B1-215.21, nhãn hiệu honde WaveS, số khung: 096941, số máy: 1296609; có dụng tích 109 m^3; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong. Kèm theo 01 chìa khóa xe máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có số: 024788 M tên Vừ A Di. Các bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự thì phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của các bị cáo và chồng của bị cáo K là ông Giàng A Cháng thể hiện, chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng bị cáo K mua để làm phương tiện đi lại trong gia đình, khi các bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội ông Cháng không biết. Do đó, căn cứ vào Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 213 Bộ luật dân sự khẳng định, chiếc xe mô tô M BKS 27B1-215.21, là tài sản chung hợp nhất của bị cáo Hồ Thị K và ông Giàng A Cháng, ông Cháng không có lỗi trong việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do đó, cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe mô tô sung ngân sách Nhà nước, còn 1/2 giá trị chiếc xe được trả lại cho ông Giàng A Cháng sở hữu là phù hợp. Đối với 01 chiếc chìa khóa xe máy và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có số: 024788 M tên Vừ A Di cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Giàng A Cháng trình bày, bị cáo K và ông là vợ chồng, chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, là xe của vợ chồng ông, việc bị cáo K sử dụng chiếc xe đi mua ma túy ông không biết, nên không có cơ sở xử lý đối với ông Cháng, ông Cháng đề nghị xin lại chiếc xe mô tô đó. Đề nghị của ông Cháng là có cơ sở, nhưng chỉ có căn cứ chấp nhận một phần.

Đối với người phụ nữ mua hộ ma túy cho các bị cáo, do các bị cáo không biết tên và địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo xin miễn án phí nên áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

[8] Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M C và Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, Điều tra viên, Kiểm sát viên, từ khi khởi tố vụ án, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 251; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị K phạm các tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Hồ Thị K 2 (hai) năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị K 3 (ba) năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 5 (năm) năm tù. được khấu trừ 09 (chín) ngày tạm giữ, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Chớ A M phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

Xử phạt bị cáo Chớ A M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 13/6/2024.

2. Về vật Cng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 1,68 gam Heroine; 01 chiếc lá khô; 03 mảnh nilon màu hồng cùng 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS 27B1-215.21, nhãn hiệu honde WaveS, số khung: 096941, số máy: 1296609; có dung tích 109 m^3; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong.

Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS 27B1-215.21, nhãn hiệu honde WaveS, số khung: 096941, số máy: 1296609; có dung tích 109 m^3; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tính năng bên trong, cho ông Giàng A Cháng – Sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Bản S L 1, xã S L, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Tiếp tục tạm giữ 01 chiếc chìa khóa xe máy và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có số: 024788 M tên Vừ A Di để đảm bảo thi hành án.

Số vật chứng trên đã được niêm phong và bàn giao theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện M C với Chi cục thi hành án dân sự huyện M C vào ngày 15/11/2024.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/11/2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên

quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Đội điều tra CA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- NCQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- UBND xã S L thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh